

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**

CÔNG TY

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị:**

Ông Bùi Thái Hoà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Đồng	Thành viên	Miễn nhiệm tháng 04/2023
Ông Trương Hùng Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	

**Ban Kiểm soát:**

Bà Phạm Thị Hiền	Trưởng ban
Bà Lê Nguyễn Thuỳ Giang	Thành viên
Bà Phùng Lan Hương	Thành viên

**Ban Giám đốc:**

Ông Nguyễn Tiên Phong	Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Tú	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến thời điểm lập Báo cáo tài chính là Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Tiên Phong**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 437/2024/UHY - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/3/2024 trình bày từ trang 06 đến trang 31 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hạng mục hạ tầng trạm dừng nghỉ - Dự án xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với giá trị 6.885.175.173 đồng phát sinh và tồn đọng từ năm 2013. Chúng tôi không đánh giá được số dư, giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm 31/12/2023 của chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến công trình này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN KT số 0666-2023-112-1

---

**Hoàng Thị Ngà**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN KT số 4079-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>01/01/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>110.290.345.588</b>	<b>101.281.728.044</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>18.698.085.508</b>	<b>20.690.860.105</b>
Tiền	111		698.085.508	690.860.105
Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	20.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.555.043.103</b>	<b>10.170.072.372</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	15.555.043.103	10.170.072.372
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>56.131.250.156</b>	<b>49.732.400.062</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	27.770.790.276	29.049.853.608
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	13	6.301.611.564	2.857.251.334
Các khoản phải thu khác	136	9	32.956.243.811	25.159.483.760
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(10.897.395.495)	(7.334.188.640)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>19.523.008.610</b>	<b>19.632.215.027</b>
Hàng tồn kho	141	11	19.523.008.610	19.632.215.027
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>382.958.211</b>	<b>1.056.180.478</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	266.478.010	211.708.598
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	116.480.201	844.471.880
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.622.517.422</b>	<b>13.303.822.383</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.003.046.000</b>	<b>1.003.046.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.003.046.000	1.003.046.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.587.349.307</b>	<b>9.152.832.606</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.587.349.307	9.152.832.606
- Nguyên giá	222		22.907.871.720	22.857.871.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.320.522.413)	(13.705.039.114)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.032.122.115</b>	<b>3.147.943.777</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.032.122.115	3.147.943.777
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>120.912.863.010</b>	<b>114.585.550.427</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>33.069.051.096</b>	<b>22.234.129.172</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.069.051.096</b>	<b>22.234.129.172</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	14.973.071.193	13.266.260.992
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	7	1.620.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	-	102.189.947
Phải trả người lao động	314		1.125.411.754	2.664.324.440
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	13.504.195.071	3.326.442.426
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		650.378.787	796.759.259
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.163.598.812	2.077.656.629
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.395.479	495.479
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>18</b>	<b>87.843.811.914</b>	<b>92.351.421.255</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>87.843.811.914</b>	<b>92.351.421.255</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.372.500.000	89.372.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.372.500.000	89.372.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		900.534.341	900.534.341
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.429.222.427)	2.078.386.914
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		140.936.914	285.193.910
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(2.570.159.341)	1.793.193.004
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>120.912.863.010</b>	<b>114.585.550.427</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Tiên Phong

Nguyễn Xuân Hoàng

Phan Thị Bảo Ngọc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	61.253.440.363	68.673.796.507
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61.253.440.363	68.673.796.507
Giá vốn hàng bán	11	20	54.936.268.629	60.916.601.041
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.317.171.734	7.757.195.466
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.796.007.203	1.471.284.386
Chi phí tài chính	22	22	17.399.574	13.176.769
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.399.574	13.176.769
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	10.665.938.704	6.966.030.962
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.570.159.341)	2.249.272.121
Chi phí khác	32		-	6.224.693
Lợi nhuận khác	40		-	(6.224.693)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.570.159.341)	2.243.047.428
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	449.854.424
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.570.159.341)	1.793.193.004
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(288)	184

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Tiên Phong

Nguyễn Xuân Hoàng

Phan Thị Bảo Ngọc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(2.570.159.341)	2.243.047.428
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		615.483.299	838.350.955
Các khoản dự phòng	03		3.563.206.855	296.468.967
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(1.796.007.203)	(1.471.284.386)
Chi phí lãi vay	06		17.399.574	13.176.769
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(170.076.816)	1.919.759.733
<i>Tăng giảm các khoản phải thu</i>	09		(8.372.207.616)	(7.532.149.027)
<i>Tăng giảm hàng tồn kho</i>	10		109.206.417	3.309.563.233
<i>Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)</i>	11		10.698.640.923	(979.523.031)
<i>Tăng giảm chi phí trả trước</i>	12		2.061.052.250	(1.442.859.544)
<i>Tiền lãi vay đã trả</i>	14		(17.399.574)	(13.176.769)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp</i>	15		(99.854.424)	(501.413.428)
<i>Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh</i>	17		(118.100.000)	(174.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		4.091.261.160	(5.413.798.833)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
<i>Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác</i>	21		(50.000.000)	-
<i>Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác</i>	23		(20.384.970.731)	(15.114.116.208)
<i>Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác</i>	24		15.000.000.000	37.160.452.054
<i>Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	27		1.175.096.085	1.795.149.580
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(4.259.874.646)	23.841.485.426
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<i>Tiền thu từ đi vay</i>	33		8.764.979.136	9.291.470.842
<i>Tiền chi trả nợ gốc vay</i>	34		(8.764.979.136)	(9.291.470.842)
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu</i>	36		(1.824.161.111)	(3.209.897.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(1.824.161.111)	(3.209.897.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		(1.992.774.597)	15.217.789.093
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	4	20.690.860.105	5.473.071.012
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	4	<u>18.698.085.508</u>	<u>20.690.860.105</u>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Giám đốc  
  
Nguyễn Tiên Phong

Kế toán trưởng  
  
Nguyễn Xuân Hoàng

Người lập biểu  
  
Phan Thị Bảo Ngọc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102680481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần 16 ngày 19/04/2023.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 89.372.500.000 đồng, chia thành 8.937.250 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Ngày 02/04/2018, Công ty được ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 1962/UBCK-GSDC của UBCKNN.

Ngày 22/06/2018, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 48/2018/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 8.937.250 cổ phiếu.

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 129 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2023 là 81 nhân viên)

#### **1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Bán buôn, bán lẻ đồ lưu niệm;
- Dịch vụ kho bãi;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ viễn thông;
- Kinh doanh Nhà hàng, khách sạn;
- Kinh doanh xăng dầu, các chế phẩm từ xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;...

#### **1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### **2.2 KỶ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

#### **3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### **3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định khác	04 - 15

**3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

***Doanh thu hoạt động xây lắp:***

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

***Doanh thu hoạt động tài chính*** là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

***Chi phí sản xuất kinh doanh*** phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

***Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác*** được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

**3.11 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.12 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là Công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	412.252.587	448.004.544
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	285.832.921	242.855.561
- Các khoản tương đương tiền (*)	18.000.000.000	20.000.000.000
	<b>18.698.085.508</b>	<b>20.690.860.105</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, lãi suất 6%/năm.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<b>15.555.043.103</b>	-	10.170.072.372	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.555.043.103	-	10.170.072.372	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	15.555.043.103	-	10.170.072.372	-

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>27.770.790.276</b>	<b>29.049.853.608</b>
- Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	5.639.608.584	7.440.207.519
- Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng VN - VINACONEX	4.151.123.458	2.210.951.982
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH MTV	6.037.524.629	6.037.524.629
- Các khách hàng khác	11.942.533.605	13.361.169.478
	<b>27.770.790.276</b>	<b>29.049.853.608</b>

**7. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần quản lý và Đầu tư Xây dựng công trình 238	1.620.000.000	-
	<b>1.620.000.000</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>266.478.010</b>	<b>211.708.598</b>
- Chi phí thuê văn phòng	266.478.010	211.708.598
<b>Dài hạn</b>	<b>1.032.122.115</b>	<b>3.147.943.777</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	191.807.507	398.890.881
- Tiền thuê đất của trung tâm ĐH Vĩnh Phúc	-	1.339.691.983
- Trạm dừng nghỉ 171	444.168.170	925.557.562
- Quy hoạch quảng cáo DA CGNB	333.803.351	483.803.351
- Chi phí bảo lãnh	62.343.087	-
	<b>1.298.600.125</b>	<b>3.359.652.375</b>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>32.956.243.811</b>	<b>(3.244.993.142)</b>	<b>25.159.483.760</b>	<b>(3.244.993.142)</b>
- Tạm ứng người lao động	199.247.797	-	329.047.907	-
- Công ty CP Chứng khoán Trảng An (1)	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Phải thu doanh thu trích trước	27.299.776.400	-	20.645.775.096	-
+ Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH MTV (2)	195.529.386	-	195.529.386	-
+ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam (3)	26.355.751.017	-	18.621.426.690	-
+ Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam (4)	748.495.997	-	1.828.819.020	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	335.946.251	-	168.209.095	-
- Phải thu khác	1.921.495.585	(45.215.364)	816.673.884	(45.215.364)
<b>Dài hạn</b>	<b>1.003.046.000</b>	-	<b>1.003.046.000</b>	-
- Cầm cố, thế chấp, kí quỹ, kí cược dài hạn	3.046.000	-	3.046.000	-
- Phải thu về hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn K-MS	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	<b>33.959.289.811</b>	<b>(3.244.993.142)</b>	<b>26.162.529.760</b>	<b>(3.244.993.142)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

(1) Là khoản tiền chuyển nhượng 15.000.000 cổ phần của Công ty CP Fortika Trung Yên theo Hợp đồng số 27122011/HĐCNCP/DCT-TAS kí kết giữa Công ty và Công ty CP Chứng khoán Trảng An. Tuy nhiên, Công ty CP Chứng khoán Trảng An không chuyển nhượng cổ phần theo điều khoản hợp đồng. Công ty CP Chứng khoán Trảng An đã phá sản.

Ngày 07,08 và ngày 10/01/2019, tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa sơ thẩm xét xử ông Lê Hồ Khôi - Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Trảng An và đồng bọn về tội chiếm đoạt tài sản và tuyên phạt 18 năm tù. Do đó, việc khởi kiện ông Lê Hồ Khôi trong vụ án dân sự khi đang thụ án hình sự là rất khó và không khả thi để thu hồi số tiền nói trên.

(2) Là khoản phải thu phát sinh do sản lượng công việc đã hoàn thành đang chờ thanh toán từ Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH MTV của công trình thi công xây lắp trạm dịch vụ Km67 tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi: 195.529.386 đồng.

(3) Là khoản phải thu phát sinh do công tác vận hành, bảo trì và thu phí 2 tuyến Nội Bài - Lào Cai và tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi đang chờ Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, VEC phê duyệt quyết toán các năm 2015 - năm 2020.

(4) Là khoản phải thu phát sinh do công tác vận hành, bảo trì và thu phí tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi đang chờ VEC - O&M phê duyệt quyết toán năm 2019.

(5) Đây là số tiền phát sinh từ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng số 01-2012/11DCTVN-HDB ngày 20/11/2011 và Phụ lục hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng số 05-2012/DCTVN-HDB ngày 21/05/2012 tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh -- Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo. Số tiền lãi dự thu đến ngày 31/12/2014 là 766.335.634 đồng (lãi suất 12%/năm).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. CÁC KHOẢN NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và TM TLC (1)	2.299.310.959	(2.299.310.959)	2.299.310.959	(999.654.944)
- Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông và Thương mại AT	-	-	1.637.500.000	-
- Công ty CP Sản xuất Kính doanh VL Xây dựng Phúc Minh	1.454.828.918	(1.454.828.918)	1.454.828.918	(1.454.828.918)
- Công ty CP Phát triển Hạ tầng và BĐS Thái Bình Dương (2)	1.131.104.236	(1.131.104.236)	1.131.104.236	(491.880.090)
- Công ty CP Thiết bị Giao thông Vận tải Vietraco (3)	2.498.964.146	(2.498.964.146)	2.498.964.146	(874.637.452)
- Các đối tượng khác	1.877.245.092	(313.409.458)	1.877.245.092	(313.409.458)
	<b>12.461.231.129</b>	<b>(10.897.395.495)</b>	<b>14.098.731.129</b>	<b>(7.334.188.640)</b>

(1) Công ty đã ký hợp đồng thuê tư vấn luật khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Thương mại TLC nhằm thu hồi khoản công nợ này năm 2017 đã có quyết định toà án. Năm 2018, Cơ quan thi hành án phải ra Quyết định số 31/QĐ-CCTHANDS ngày 07/08/2018 vì chưa có điều kiện thi hành án. Do vậy, đến nay Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản tiền nào.

(2) Công ty đã thuê tư vấn luật, chuẩn bị hồ sơ khởi kiện Công ty CP Phát triển Hạ tầng và BĐS Thái Bình Dương nhằm thu hồi công nợ này.

(3) Công ty đã gửi đơn ra Chi cục thi hành án quận Thanh Xuân yêu cầu thi hành án đối với Công ty Cổ phần Thiết bị Giao thông vận tải Vietraco nhưng chưa có kết quả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</b>	<b>19.523.008.610</b>	-	<b>19.632.215.027</b>	-
- Tổ chức công tác VHBT tuyến Nội Bài - Lào Cai (1)	4.903.192.611	-	4.903.192.611	-
- Giá trị hạng mục Cầu Giẽ - Ninh Bình (2)	6.885.175.173	-	6.885.175.173	-
- Đảm bảo ATGT, phân cách giữa, chống lóa A5, A7 (Quang Tây) (3)	1.783.748.464	-	1.783.748.464	-
- Tổ chức công tác VHBT tuyến ĐN - QN từ Km 0 đến Km 65 (1)	5.485.674.507	-	5.485.674.507	-
- Tổ chức công tác VHBT tuyến NB - LC từ Km254+234 đến Km262+363	-	-	138.723.957	-
- Trạm dịch vụ Km67 tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi(1)	185.520.589	-	185.520.589	-
- Gói thầu Xây lắp A1.1 (Km65+000 - Km181+150) (1)	250.179.726	-	250.179.726	-
- Dự án thi công nâng độ cao Nòng Cống NBLC SC4	3.992.798	-	-	-
- Dự án bảo dưỡng Tuyến Quang Phú Thọ	25.524.742	-	-	-
	<b>19.523.008.610</b>	-	<b>19.632.215.027</b>	-

(1) Là các công trình đã hoàn thành đang chờ quyết toán với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam.

(2): Biên bản làm việc giữa VEC và Hanshin - VECS ngày 27/10/2011, theo đó VEC đồng ý ký hợp đồng Đầu tư - Kinh doanh - Chuyển giao với nhà đầu tư là hai pháp nhân Hanshin E&C và VECS trước khi liên doanh Hanshin - VECS được thành lập và yêu cầu liên doanh Hanshin - VECS triển khai ngay việc đưa thiết bị vào san lấp và bảo vệ mặt bằng tránh người dân tái lấn chiếm..Dự án do liên doanh Công ty Hanshin E&C - VECS để thực hiện. Tuy nhiên, ngày 16/07/2013, Công ty Hanshin E&C xin rút khỏi dự án do chưa thống nhất được hợp đồng với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam (VEC). Ngày 19/8/2013 VEC có văn bản số 2751/VEC-QLKT chấp thuận đề nghị rút khỏi và không tiếp tục đầu tư Trạm dịch vụ của Công ty Hanshin E&C. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của VEC, từ ngày 12/02/2014 Ban quản lý dự án Cầu Giẽ - Ninh Bình, Tư vấn giám sát QC1, VECS đã tiến hành đo đạc, kiểm tra khối lượng thi công của VECS và đã xác nhận: Tổng diện tích thi công 82.509 m2/83.000m2; Khối lượng cát đắp 32.215 m3/36.328m3; Khối lượng đường công vụ (đắp bằng đá hỗn hợp): 4.825m3/5.176m3 - Biên bản kiểm tra khối lượng thi công ngày 12/02/2014). Để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ, ngày 03/4/2014 VEC đã lựa chọn Công ty TNHH Thủy Dương là nhà đầu tư Trạm dừng nghỉ Km 227+00 thuộc dự án xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (tại vị trí mà Hanshin-VECS đã đầu tư từ trước đây). Từ ngày 14/4/2014 đến ngày 26/4/2014 VECS đã cùng BQLDA Cầu Giẽ - Ninh Bình, nhà thầu thi công gói thầu 10.2A - Hạ tầng trạm dừng nghỉ Km227+00 Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình kiểm tra hiện trường và xác nhận các phạm vi VECS đã san lấp trùng với phạm vi thi công của nhà thầu thi công gói 10.2A (Biên bản xác nhận diện tích san nền ngày 26/4/2014). Ngày 25/06/2015, Công ty đã có Báo cáo số 120/BC-VECS gửi Tổng Công ty kiến nghị được thanh toán khối lượng, kinh phí Trạm dừng nghỉ do VECS đã thực hiện như trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**11. HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Văn bản số 209/CV-EPMUCGNB ngày 22/7/2015 của Ban quản lý Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình về việc xác nhận khối lượng đã thi công san lấp trạm dừng nghỉ lý Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình trong đó có các nội dung chủ yếu:

- Việc triển khai đầu tư công trình khu dịch vụ đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (giai đoạn 1) được Liên doanh Công ty Hanshin E&C và VECS thực hiện theo công văn yêu cầu số 1788/VEC-KHĐT ngày 23/8/2011 của VEC. Trong quá trình nhà đầu tư triển khai, Ban QLDA không được giao nhiệm vụ quản lý giám sát.
- Khi VEC có chủ trương triển khai trạm dừng nghỉ Km226+769-Km228+428, Ban QLDA đã cùng tư vấn giám sát QCI, VECS tiến hành kiểm tra hiện trạng và khối lượng thực hiện (bằng biện pháp đào kiểm tra chiều dày) để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.
- Tại thời điểm Liên doanh Công ty TNHH Hợp Tiến và Công ty TNHH Bảo Sơn chuẩn bị triển khai thi công hạ tầng trạm dừng nghỉ Ban QLDA đã cùng đơn vị thi công và VECS xác nhận diện tích đơn vị thi công trên nền Liên doanh Công ty Hanshin E&C và VECS đã triển khai. Căn cứ biên bản xác nhận khối lượng và Biên bản xác nhận điện tích, Ban QLDA xác nhận khối lượng Liên doanh Công ty Hanshin E&C và VECS đã thi công trên nền của hạ tầng trạm dừng nghỉ với khối lượng san nền: 29.255,65m3.

Công ty đã có Báo cáo số 4229/BC-VECS gửi Hội đồng thành viên Tổng Công ty VEC kiến nghị thanh toán cho Công ty phần khối lượng đã thực hiện tại Trạm dịch vụ Cầu Giẽ - Ninh Bình. Đến nay, VECS chưa nhận được phương án xử lý khoản chi phí dở dang này từ VEC.

(3): Là Thi công Công trình đảm bảo an toàn giao thông, phân cách giữa A5,A7 Quảng Tây, phát sinh từ năm 2018 chưa quyết toán với Tổng Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2023	15.195.244.504	593.630.364	5.414.447.583	35.866.667	1.618.682.602	22.857.871.720
- Mua trong năm	-	50.000.000	-	-	-	50.000.000
31/12/2023	15.195.244.504	643.630.364	5.414.447.583	35.866.667	1.618.682.602	22.907.871.720
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2023	6.564.366.958	366.431.337	5.330.196.918	35.866.667	1.408.177.234	13.705.039.114
- Khấu hao trong năm	415.536.246	42.001.035	84.250.665	-	73.695.353	615.483.299
31/12/2023	6.979.903.204	408.432.372	5.414.447.583	35.866.667	1.481.872.587	14.320.522.413
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2023	8.630.877.546	227.199.027	84.250.665	-	210.505.368	9.152.832.606
31/12/2023	8.215.341.300	235.197.992	-	-	136.810.015	8.587.349.307

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 4.858.439.136 đồng (tại 01/01/2023 là: 7.496.342.395 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.301.611.564</b>	<b>2.857.251.334</b>
- Công ty TNHH Phạm Tài	930.894.916	930.894.916
- CTCP Sản xuất Kinh doanh Vật liệu xây dựng Phúc Minh	1.454.828.918	1.454.828.918
- Công ty CP vận hành và bảo trì đường cao tốc	1.202.859.569	-
- Công ty Cổ phần PLD Phú Lâm	2.539.065.661	-
- Các khách hàng khác	173.962.500	471.527.500
	<b>6.301.611.564</b>	<b>2.857.251.334</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.504.195.071</b>	<b>3.326.442.426</b>
- Tổ chức công tác VHBT tuyến Nội Bài - Lào Cai	2.009.333.315	897.927.898
- Xây dựng Trạm dịch vụ tuyến Nội Bài - Lào Cai	-	65.700.000
- Công trình Đường ven biển Hải Phòng	1.404.581.705	1.404.581.705
- Thi công Xây dựng TTĐH Bắc Quảng Ngãi	1.710.878.481	-
- Dự án sửa chữa mặt đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	4.570.171.818	-
- Công tác bảo dưỡng thường xuyên Tuyến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	3.397.580.239	958.232.823
- Quản lý vận hành bảo trì Đường cao tốc Nội bài - Lào Cai Km254+234-Km262+353	411.649.513	-
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>13.504.195.071</b>	<b>3.326.442.426</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.163.598.812</b>	<b>2.077.656.629</b>
- Kinh phí công đoàn	29.037	29.040
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.163.569.775	2.077.627.589
+ <i>Phải trả tiền cổ tức</i>	880.048.403	916.759.514
+ <i>Các khoản khác</i>	283.521.372	1.160.868.075
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>1.163.598.812</b>	<b>2.077.656.629</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**  
Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 6	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209
- Công ty CP Xây lắp công nghiệp Nam Định	1.343.083.117	1.343.083.117	1.343.083.117	1.343.083.117
- Công ty CP Xây lắp 898	8.657.823.995	8.657.823.995	6.401.378.040	6.401.378.040
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina Asphalt	1.197.684.300	1.197.684.300	1.197.684.300	1.197.684.300
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xây dựng An Khánh	433.368.383	433.368.383	780.362.981	780.362.981
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng 899	527.154.152	527.154.152	322.200.479	322.200.479
- Các đối tượng khác	779.298.037	779.298.037	1.186.892.866	1.186.892.866
	<b>14.973.071.193</b>	<b>14.973.071.193</b>	<b>13.266.260.992</b>	<b>13.266.260.992</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp/ khấu trừ trong năm		31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>102.189.947</b>	<b>1.668.865.829</b>	<b>1.668.865.829</b>	<b>1.348.699.818</b>	<b>1.348.699.818</b>	<b>422.355.958</b>	<b>422.355.958</b>	
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.010.928.337	1.010.928.337	1.010.928.337	-	-	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.854.424	422.355.958	422.355.958	99.854.424	99.854.424	422.355.958	422.355.958	
- Thuế thu nhập cá nhân	2.335.523	53.972.593	53.972.593	56.308.116	56.308.116	-	-	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	181.608.941	181.608.941	181.608.941	181.608.941	-	-	
<b>Phải thu</b>	<b>844.471.880</b>	<b>742.913.566</b>	<b>742.913.566</b>	<b>14.921.887</b>	<b>14.921.887</b>	<b>116.480.201</b>	<b>116.480.201</b>	
- Thuế giá trị gia tăng	844.471.880	742.913.566	742.913.566	-	-	101.558.314	101.558.314	
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	14.921.887	14.921.887	14.921.887	14.921.887	
	<b>946.661.827</b>	<b>2.411.779.395</b>	<b>2.411.779.395</b>	<b>1.363.621.705</b>	<b>1.363.621.705</b>	<b>538.836.159</b>	<b>538.836.159</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường Cao tốc VN	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thùy Dương	20.000.000.000	20.000.000.000
- Các cổ đông khác	29.372.500.000	29.372.500.000
	<b>89.372.500.000</b>	<b>89.372.500.000</b>

**18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	89.372.500.000	89.372.500.000
+ Vốn góp cuối năm	89.372.500.000	89.372.500.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>1.824.161.111</b>	<b>3.128.037.500</b>

**18.3 CỔ PHIẾU**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.937.250	8.937.250
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.937.250	8.937.250
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.937.250	8.937.250

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>01/01/2022</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>900.534.341</b>	<b>3.513.231.410</b>	<b>93.786.265.751</b>		
- Lãi trong năm	-	-	-	1.793.193.004	1.793.193.004		1.793.193.004
- Chi trả cổ tức	-	-	-	(3.128.037.500)	(3.128.037.500)		(3.128.037.500)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)		(100.000.000)
<b>31/12/2022</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>900.534.341</b>	<b>2.078.386.914</b>	<b>92.351.421.255</b>		
<b>01/01/2023</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>900.534.341</b>	<b>2.078.386.914</b>	<b>92.351.421.255</b>		
- Lãi trong năm	-	-	-	(2.570.159.341)	(2.570.159.341)		(2.570.159.341)
- Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(1.787.450.000)	(1.787.450.000)		(1.787.450.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)		(150.000.000)
<b>31/12/2023</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>900.534.341</b>	<b>(2.429.222.427)</b>	<b>87.843.811.914</b>		

(\*) Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 16/NQ-VECS-DHĐCĐ ngày 26/04/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.775.085.315	6.597.723.671
Doanh thu dịch vụ	59.478.355.048	62.076.072.836
	<b>61.253.440.363</b>	<b>68.673.796.507</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn hoạt động xây lắp	748.377.543	5.235.799.323
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	54.187.891.086	55.680.801.718
	<b>54.936.268.629</b>	<b>60.916.601.041</b>

**21. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.796.007.203	1.471.284.386
	<b>1.796.007.203</b>	<b>1.471.284.386</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí lãi vay	17.399.574	13.176.769
	<b>17.399.574</b>	<b>13.176.769</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Nhân viên quản lý	4.521.278.240	4.308.969.282
- Nguyên vật liệu	271.721.345	254.168.379
- Chi phí đồ dùng văn phòng	162.825.312	131.556.233
- Khấu hao tài sản cố định	-	19.844.026
- Thuế, phí và lệ phí	47.786.796	59.707.024
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.366.178.811	1.313.720.630
- Chi phí bằng tiền khác	732.941.345	581.596.421
- Chi phí dự phòng	3.563.206.855	296.468.967
	<b>10.665.938.704</b>	<b>6.966.030.962</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	1.156.331.958	1.458.320.315
- Chi phí nhân công	12.932.209.024	19.207.038.081
- Chi phí công cụ dụng cụ	502.801.905	710.451.557
- Khấu hao tài sản cố định	615.483.299	838.350.955
- Thuế, phí, lệ phí	554.824.162	254.090.729
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.353.175.063	7.761.496.058
- Chi phí bằng tiền khác	29.924.175.067	33.455.732.200
- Chi phí dự phòng	3.563.206.855	296.468.967
	<b>65.602.207.333</b>	<b>63.981.948.862</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.570.159.341)	1.793.193.004
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(150.000.000)
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	(150.000.000)
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)</i>	-	(150.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.570.159.341)	1.643.193.004
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.937.250	8.937.250
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(288)</b>	<b>184</b>

Trên cơ sở trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 16/NQ-VECS-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, Công ty đã trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại là 184 VND/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 201 VND/cổ phiếu).

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(2.570.159.341)</b>	<b>2.243.047.428</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>37.350.000</b>	<b>6.224.693</b>
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	37.350.000	-
- Chi phí không hợp lý khác	-	6.224.693
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>(2.532.809.341)</b>	<b>2.249.272.121</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(2.532.809.341)</b>	<b>2.249.272.121</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>449.854.424</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>449.854.424</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ, vì vậy mỗi một bộ phận một lĩnh vực phụ trách kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực: Hoạt động cung cấp dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác, giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2022	Hoạt động xây lắp	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6.597.723.671	62.076.072.836	68.673.796.507
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.597.723.671</b>	<b>62.076.072.836</b>	<b>68.673.796.507</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.361.924.348	6.395.271.118	7.757.195.466
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.966.030.962)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>791.164.504</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			1.471.284.386
Chi phí tài chính			(13.176.769)
Chi phí khác			(6.224.693)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(449.854.424)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>1.793.193.004</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,

Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2023	Hoạt động xây lắp	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Cộng
	VND	VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.775.085.315	59.478.355.048	61.253.440.363
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.775.085.315</b>	<b>59.478.355.048</b>	<b>61.253.440.363</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.026.707.772	5.290.463.962	6.317.171.734
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(10.665.938.704)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>(4.348.766.970)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			1.796.007.203
Chi phí tài chính			(17.399.574)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(2.570.159.341)</b>

**28. THÔNG TIN KHÁC**

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	Cổ đông lớn
2	Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Cùng nhà đầu tư

**28.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu với bên có liên quan</b>	<b>46.221.203.461</b>	<b>51.607.256.513</b>
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	46.221.203.461	51.607.256.513
<b>Mua hàng với bên có liên quan</b>	<b>10.025.824.770</b>	<b>5.722.301.749</b>
- Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	10.025.824.770	5.722.301.749

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**28.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>7.440.949.833</b>	<b>7.965.442.031</b>
- Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	1.801.341.249	525.234.512
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	5.639.608.584	7.440.207.519
<b>Phải thu khác</b>	<b>27.104.247.014</b>	<b>20.450.245.710</b>
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	26.355.751.017	18.621.426.690
- Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	748.495.997	1.828.819.020
<b>Phải trả người bán</b>	<b>1.202.859.569</b>	<b>270.627.290</b>
- Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	1.202.859.569	270.627.290

**28.3 THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

		Năm 2023	Năm 2022
	Mối quan hệ	VND	VND
		<b>1.538.492.623</b>	<b>1.409.697.588</b>
- Ông Bùi Thái Hòa	Chủ tịch HĐQT	357.428.835	326.163.429
- Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên HĐQT	16.200.000	16.200.000
- Ông Nguyễn Tiên Phong	Giám đốc	316.868.810	262.368.726
- Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Giám Đốc	220.715.887	219.435.675
- Ông Nguyễn Hồng Tú	Phó Giám Đốc	216.820.800	207.803.058
- Bà Phạm Thị Hiền	Trưởng BKS	194.286.881	170.011.200
- Ông Nguyễn Xuân Hoàng	Kế toán trưởng	216.171.411	207.715.500

**29. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Tiên Phong

Nguyễn Xuân Hoàng

Phan Thị Bảo Ngọc